

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT

Ngày: 19/3/2021

V/v: Tranh chấp tài sản sau ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Hữu Ba

2/ Ông Lê Hoàng Tấn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 03/4/2020, về việc: “*Tranh chấp tài sản sau ly hôn*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1949

Địa chỉ: 270/9 LTT, P.B, Q.X, Tp.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Phan Diệu H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 23 NBL, P.T, Q.X, Tp.HCM (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1951

Địa chỉ: 23 NBL, P.T, Q.X, Tp.HCM (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954

Địa chỉ: 72/36 NTN, Kp.A, P.B, Q.X, Tp.HCM.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có VB xin vắng)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoài P, bà Hồ Thị Thanh H

2/ UBND P.T, Q.X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim Th (Có VB xin vắng)

3/ Ông Đặng Hữu Tr, sinh năm 1971

Địa chỉ: 100E NTN, P.A, Q.B, Tp.HCM

4/ Bà Dương Thị Hồng L, sinh năm 1976

Địa chỉ: 10/11 HBP, P.P, Q.X, Tp.HCM

5/ Ông Trần Hữu H1, sinh năm 1972
6/ Ông Trần Hữu H2, sinh năm 1976
7/ Ông Trần Hữu H3, sinh năm 1982
8/ Bà Trần Phan Diệu H, sinh năm 1973
Địa chỉ: 23 NBL, P.T, Q.X, Tp.HCM
Ông H1, ông H2, Ông H3 (Có mặt)

9/ Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 44 TL8, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1985 (Có mặt).

Người kháng cáo: Bà Trần Phan Diệu H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn ông Trần Hữu H do bà Trần Phan Diệu H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H và bà D kết hôn từ tháng 12 năm 1971. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Năm 1985, vợ chồng nộp đơn ly hôn. Quyết định thuận tình ly hôn số 159/HNGĐ ngày 30/7/1985 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, về con chung: Có 04 người con là Trần Hữu H1, Trần Hữu H2, Trần Hữu H3, Trần Phan Diệu H, về tài sản chung: Đương sự thỏa thuận phân chia.

Trước khi có quyết định thuận tình ly hôn, ngày 05/7/1985 Ông H và bà D có làm giấy thỏa thuận về tài sản. Nội dung của giấy thỏa thuận: Ông H để lại nhà đất cho bà D và các con cùng sử dụng, khi nào các con lớn bà D phải giao lại cho các con, mọi quyết định liên quan đến nhà đất phải có ý kiến ông H. về nguồn gốc tài sản: đất là của họ hàng Ông H cho Ông H vào năm 1975 để cất nhà cho gia đình ở, diện tích đất cho khoảng 1.000m², việc cho đất không lập giấy tờ. Sau khi được cho đất, ông H, bà D san lấp, trồng hoa màu và cất nhà diện tích 30m², căn nhà có số F23-24 ấp An Điền, xã An Phú, huyện Thủ Đức. Ông H có đứng tên đăng ký nhà, đất theo chỉ thị 299/TTg.

Từ khi ly hôn, ông H không ở trong căn nhà trên, bà D và 04 người con chung tiếp tục ở. Năm 1986, bà D lập giấy viết tay chuyển nhượng cho bà Lâm Thị Kim S một phần đất có diện tích 500m². Phần nhà, đất còn lại bà D lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận. Ngày 24/02/2004, UBND Quận X đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 272/2004 đứng tên một mình bà D, có diện tích đất 266,1m², địa chỉ căn nhà 23 Nguyễn Bá Lân, khu phố 3, phường

Thảo Điền, Quận 2. Tháng 8/2004, bà D xin giấy phép xây dựng và xây mới lại toàn bộ căn nhà như hiện nay.

Năm 2009, bà D thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 23 Nguyễn Bá Lân, phường Thảo Điền, Quận 2 cho Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi để bảo lãnh cho bà Dương Thị Hồng L vay tiền.

Do nhà, đất trên là tài sản chung của Ông H và bà D trong thời kỳ hôn nhân. Ông bà đã thỏa thuận là toàn bộ tài sản để lại cho các con nhưng bà D không thực hiện mà làm thủ tục hợp thức hóa đứng tên một mình bà D là không đúng.

Nay Ông H khởi kiện với nội dung:

Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 266,1m², trên đất có căn nhà số 23 Nguyễn Bá Lân, P. Thảo Điền, Quận 2; nhà đất đã được UBND Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 24/02/2004 đứng tên bà Phan Thị D thuộc quyền sở hữu của ông H. Ông H sẽ trả lại cho bà D tiền giá trị xây dựng nhà 400.000.000đồng.

Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND Quận X cấp cho bà Phan Thị D ngày 24/02/2004 vì đây là tài sản chung của Ông H và bà D nhưng chỉ cấp cho một mình bà D là không đúng quy định pháp luật.

Yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6120 ngày 28/7/2009 giữa Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi và bà Dương Thị Hồng L, người thế chấp bà Phan Thị D.

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn bà Phan Thị D trình bày:

Thông nhất với ý kiến của phía nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và nguồn gốc nhà đất.

Sau khi kết hôn, bà D và Ông H có khó khăn về nơi ở nên các cậu của Ông H có cho Ông H khoảng 1.000m² đất mà hiện nay tọa lạc tại phường Thảo Điền để cất nhà và canh tác trồng rau. Sau khi có đất, Ông H đã làm một căn nhà tạm cột cây, vách lá và đưa vợ con về ở. Do kinh tế khó khăn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên quyết định ly hôn. Trước khi ly hôn, hai bên có thỏa thuận với nhau về nhà, đất tại số 23 Nguyễn Bá Lân, khu phố 2, phường Thảo Điền, Quận 2 như nguyên đơn trình bày.

Quá trình sử dụng đất, do bà D và Ông H đã ly hôn nên họ hàng của Ông H chiếm lại toàn bộ phần diện tích đất trên và chỉ để lại cho bà D và các con khoảng 250m² đất, hiện tại trên đất có căn nhà số 23 Nguyễn Bá Lân, khu phố 2, phường Thảo Điền, Quận 2 do Ông H tạo dựng, sau này bà có sửa chữa lại.

Bà D đồng ý với yêu cầu của Ông H đòi hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã cấp cho bà D đối với nhà đất trên. Bà D đồng ý trả lại nhà, đất trên cho ông H, nhưng Ông H phải hoàn trả lại cho bà D 400.000.000 đồng tiền bỏ ra xây dựng căn nhà.

Theo Văn bản và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Vũ Hoài P và bà Hồ Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

UBND Quận X xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Phan Thị D là đúng với trình tự, thủ tục pháp luật quy định, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Theo Văn bản và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND P.T, Quận X do bà Lê Thị Kim Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo Văn bản và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hữu Tr và bà Dương Thị Hồng L trình bày:

Đây là tranh chấp tài sản giữa ông Trần Hữu H và bà Phan Thị D, các ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo Văn bản và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu H1, ông Trần Hữu H2, ông Trần Hữu H3, bà Trần Phan Diệu H do bà Trần Phan Diệu H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các ông bà là con của Ông H và bà D, việc tranh chấp giữa Ông H và bà D các ông bà không có ý kiến, nguyện vọng các ông, bà muốn được tiếp tục sang tại căn nhà trên.

Theo Văn bản và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi do bà Phạm Thị Kim N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nhà và đất tại số 23 Nguyễn Bá Lân, khu phố 2, phường Thảo Điền, Quận 2 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà D, bà đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng theo Hợp đồng số 6120-LCP-200901973 ngày 28/7/2009, có xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc UBND Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 272/2004 ngày 24/02/2004 cho bà D là đúng quy định pháp luật.

Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi nhận thế chấp tài sản là căn nhà số 23 Nguyễn Bá Lân, khu phố 2, phường Thảo Điền, Quận 2 làm

tài sản bảo đảm nợ vay cho bà Dương Thị Hồng L là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi không đồng ý với yêu cầu của Ông H và bà D, đề nghị bác đơn kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 12/01/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Tuyên bố nhà đất tại số 23 Nguyễn Bá Lân, P.Thảo Điền, Q.2, Tp.HCM là tài sản của ông Trần Hữu H, Ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phan Thị D số tiền 400.000.000đồng chi phí xây dựng nhà.

Ông H được liên hệ các cơ quan chức năng xin cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Hủy Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở số 70103031512 hồ sơ gốc 272/2004 do UBND Quận X cấp cho bà Phan Thị D.

Hủy hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 6120-LCP-200901973 ngày 28/7/2009 công chứng ngày 28/7/2009 tại Phòng Công chứng số 4, Tp.HCM.

Hủy đơn đăng ký thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/8/2009 của bà D và Chi nhánh Ngân hàng N và Phát triển N Củ Chi, có xác nhận của Văn phòng đăng ký QSD đất Q.2 ngày 29/7/2009.

Sau khi xét xử sơ thẩm, UBND Q.X và Ngân hàng N và Phát triển N – CN Củ Chi có đơn kháng cáo, nêu lý do:

Án sơ thẩm không thỏa đáng gây thiệt hại quyền lợi của đương sự và không đúng quy định pháp luật.

Viện trưởng VKS nhân dân Q.2 cũng có Quyết định kháng nghị số 26/QĐ-KNPT-DSST ngày 27/01/2016, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 843/2016/DS-PT ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 12/01/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Q.2 giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Ngày 30/9/2016 Tòa án nhân dân Q.2, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 05/2016/QĐ9ST-DS-CVA, nội dung:

Chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Tp.HCM giải quyết theo thẩm quyền vì nguyên đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu H về việc đòi công nhận căn nhà số 23 Nguyễn Bá Lân, phường Thảo Điền, Quận 2, diện tích đất 266,1m² đã được UBND Quận X cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 272/2004 ngày 24/02/2004 đứng tên chủ sở hữu bà Phan Thị D, thuộc quyền sở hữu của ông.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu H về việc đòi hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 272/2004 ngày 24/02/2004 của UBND Quận X cấp ngày 24/02/2004 đứng tên chủ sở hữu bà Phan Thị D.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Hữu H số tiền 25.957.500đồng tạm ứng án phí DSST, theo Biên lai thu số AG/2011/03253 ngày 07/6/2013 và số tiền 25.957.500đồng tạm ứng án phí DSST, theo Biên lai thu số AC/2012/04046 ngày 04/01/2016 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Phan Thị D số tiền 10.000.000đồng tạm ứng án phí DSST, theo Biên lai thu số 03957 ngày 11/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 04920 ngày 29/12/2014 và số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 04124 ngày 26/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho UBND Quận X số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 04213 ngày 08/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/01/2019, bà Trần Phan Diệu H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hữu H làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của phía nguyên đơn, đề nghị phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn cho rằng, Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của Ông H là gây ảnh hưởng quyền lợi của ông H, vì vậy phía nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn, công nhận tài sản nhà đất trên là tài sản chung vợ chồng vì đây là tài sản chung có nguồn gốc của Ông H và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận cấp cho bà D, yêu cầu hủy đối với Văn bản hợp đồng thế chấp tài sản để vay tại Ngân hàng N và Phát triển N – CN Củ Chi.

Phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện Ngân hàng N và Phát triển N – CN Củ Chi cho rằng, quá trình thực hiện đối với việc cho thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng đã xem xét đến tính hợp pháp của Giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho bà D, xem xét đến trình tự giải quyết của các cơ quan hành chính do đó việc thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định pháp luật, đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết: Các quan hệ tranh chấp mà phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết đầy đủ theo nội dung yêu cầu của nguyên đơn, đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng thế chấp, hợp đồng vay thì hiện nay đang được giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, do đó đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm và nhập vụ án để giải quyết toàn diện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của phía nguyên đơn làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào yêu cầu của các bên đương sự, thì vụ án có các quan hệ tranh chấp như sau:

2.1/ Quan hệ tranh chấp về sở hữu tài sản sau ly hôn và đòi lại tài sản, cụ thể nguyên đơn ông Trần Hữu H đòi xác định diện tích đất 266,1m² trên đất có nhà, tọa

lạc tại 23 Nguyễn Bá Lân, P.Thảo Điền, Q.2 là tài sản thuộc sở hữu của Ông H và đòi bà Phan Thị D trả lại nhà đất trên. Bị đơn bà Phan Thị D đòi Ông H trả lại số tiền 400.000.000 đồng chi phí xây dựng nhà.

2.2/ Quan hệ tranh chấp về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể nguyên đơn Ông H đòi hủy Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở số 70103031512 hồ sơ gốc 272/2004 ngày 24/02/2004 do UBND Quận X cấp cho bà Phan Thị D.

2.3/ Quan hệ tranh chấp về hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3, giữa Ngân hàng N & Phát triển N - Chi nhánh Củ Chi và bà Phan Thị D số 6120-LCP-200901973 ngày 28/7/2009 được chứng thực tại Phòng Công chứng số 4, Tp.HCM.

Các quan hệ tranh chấp này đã được thụ lý từ giai đoạn sơ thẩm tại Tòa án nhân dân Q.2, Tp.HCM, được pháp luật quy định tại các Điều 26, 28, 34 Bộ Luật tố tụng Dân sự, các Điều 156, 166, 317 Bộ luật Dân sự và các Điều 3, 30 115 Luật tố tụng Hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng các quan hệ tranh chấp và đã thực hiện các trình tự, thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với quan hệ tranh chấp về quyền sở hữu tài sản sau ly hôn mà không giải quyết đối với quan hệ tranh chấp về đòi tài sản là nhà, đất đang tranh chấp, và số tiền chi phí xây dựng nhà, như vậy là không giải quyết hết các quan hệ tranh chấp theo yêu cầu của đương sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hữu H đòi hủy hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất, giữa Ngân hàng N & Phát triển N - Chi nhánh Củ Chi với bà Phan Thị D thì thấy:

Theo hồ sơ thể hiện, để thực hiện thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân Q.2 Ông H đã nộp tạm ứng án phí DSST số tiền 25.957.500 đồng theo Biên lai thu số AG/2011/03253 ngày 07/6/2013 và nộp số tiền 25.957.500 đồng theo Biên lai thu số AC/2012/04046 ngày 04/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Khi thụ lý vụ án dân sự theo Quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân Q.2, Tp.HCM. Tòa án nhân dân Tp.HCM giải quyết theo trình tự sơ thẩm đã không xác định các khoản tiền Ông H đã nộp nêu trên là tạm ứng án phí DSST của yêu cầu nào, mà lại yêu cầu Ông H tiếp tục nộp tạm ứng án phí DSST là chưa thỏa đáng. Ngoài ra, Ông H là người cao tuổi đã có đơn xin miễn giảm tạm ứng án phí DSST, nhưng không được xem xét.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết đối với yêu cầu đòi hủy hợp đồng thế chấp QSD đất của ông H, với lý do Ông H không nộp tạm ứng án phí DSST và không có yêu cầu khởi kiện bổ sung là chưa đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp này, nếu đã thụ lý mà đương sự rút yêu cầu khởi kiện thì phải đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo Điều 217 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015.

[3.2] Về giải quyết án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hoàn trả cho Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Biên lai thu số 04124 ngày 26/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Tp.HCM và hoàn trả cho UBND Quận X số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 04213 ngày 08/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Tp.HCM. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đối với vấn đề liên quan đến án phí dân sự phúc thẩm là chưa đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết đầy đủ các quan hệ tranh chấp theo yêu cầu của đương sự, và giải quyết phần án phí sai thẩm quyền, Tòa án cấp phúc thẩm không có điều kiện để khắc phục những sai sót trên, nên cần thiết hủy Bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật khi thụ lý lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/HNGĐ-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp tài sản sau ly hôn”, giữa nguyên đơn ông Trần Hữu H, bị đơn là Phan Thị D và người có quyền nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N và Phát triển N Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật khi thụ lý lại vụ án.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H không phải chịu.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM.
- Tòa án nhân dân Tp.HCM.
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TÂN